TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2019/KDTM-ST
Ngày 19-8-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phượng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Điền;

Ông Vũ Văn Hộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2019 về *Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXX-ST ngày 12/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HPT ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Cố Thổ, xã Hòa Sơn, huyện L, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang M, Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, bà Tống Thị Ái V, Văn bản ủy quyền số 188 ngày 10/12/2018. Ông K có mặt. Bà V vắng mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng số 2

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà NO3-T8, khu đoàn ngoại giao, phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Q, Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tuấn H, Giấy ủy quyền số 180 ngày 02/5/2019. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018, bản tự khai ngày 03/5/2019 và các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/9/2017 Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty thép) có ký với Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng số 2- Xí nghiệp xây dựng số 106 (sau đây gọi tắt là Công ty số 2- Xí nghiệp 106) Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 về việc mua bán thép cốt bê tông cán nóng các loại. Tổng số tiền hàng Công ty số 2- Xí nghiệp 106 đã mua là 3.115.478.498 đồng. Sau đó Công ty số 2- Xí nghiệp 106 đã thanh toán số tiền 1.968.967.000 đồng. Tính đến ngày 10/12/2018 (ngày Công ty thép làm đơn khởi kiện) Công ty số 2- Xí nghiệp 106 còn nợ Công ty thép số tiền nợ gốc là 1.146.511.498 đồng.

Về số tiền lãi chậm trả: Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/5/2019 là 242.066.538 đồng.

Công ty thép đã nhiều lần đôn đốc Công ty số 2- Xí nghiệp 106 thanh toán số tiền còn nợ nhưng Công ty số 2- Xí nghiệp 106 không có thiện chí. Vì vậy Công ty thép khởi kiện ra Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải trả cho Công ty thép tổng số tiền 1.388.578.036 đồng (số tiền gốc là 1.146.511.498 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 24/5/2019 là 242.066.538 đồng).

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện bị đơn trình bày:

Công ty số 2- Xí nghiệp 106 xác nhận có ký Hợp đồng kinh tế với Công ty thép đúng như Công ty thép đã trình bày. Công ty số 2- Xí nghiệp 106 còn nợ Công ty thép số tiền nợ gốc là 1.146.511.498 đồng. Công ty số 2- Xí nghiệp 106 sẽ trả dần toàn bộ số nợ gốc trong 4 quý bắt đầu từ quý III/2019, còn về lãi chậm trả Công ty không đồng ý thanh toán do trong Hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty số 2- Xí nghiệp 106 và Công ty thép không có điều khoản quy định tính lãi chậm trả.

Tại phiên tòa:

- *Công ty thép trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải trả số tiền nợ gốc là 1.146.511.498 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 281.965.138 đồng (lãi suất 0,04%/ngày; 14,6%/năm). Tổng số tiền Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải thanh toán cho Công ty thép là 1.428.476.636 đồng.

- *Công ty số 2- Xí nghiệp 106 trình bày:* Xác nhận còn nợ Công ty thép số nợ gốc là 1.146.511.498 đồng. Về số tiền lãi chậm trả 281.965.138 đồng. Công

ty số 2- Xí nghiệp 106 không chấp nhận vì trong Hợp đồng đã ký giữa 2 bên không có điều khoản tính lãi chậm trả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty thép về việc buộc Công ty số 2- Xí nghiệp 106 thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 ngày 01/9/2017 và tính lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận cách tính lãi xuất của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí của yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty số 2- Xí nghiệp 106 là bị đơn có trụ sở tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 ngày 01/9/2017 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên xác định việc ký kết Hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và không có ý kiến gì về Hợp đồng đã ký kết. Do đó, Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 ngày 01/9/2017 là hợp pháp và có giá trị thực hiện đối với Công ty thép và Công ty số 2- Xí nghiệp 106.

Sau khi ký Hợp đồng, Công ty thép đã bàn giao hàng hóa là thép cốt bê tông cán nóng các loại cho Công ty số 2- Xí nghiệp 106 theo đúng thỏa thuận

trong Hợp đồng. Công ty số 2- Xí nghiệp 106 không có ý kiến gì về chất lượng hàng hóa và việc thực hiện Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty số 2- Xí nghiệp 106 đã vi phạm thời hạn thanh toán, thanh toán chậm và không đủ số tiền theo như quy định trong Hợp đồng đã ký. Công ty số 2- Xí nghiệp 106 xác nhận: tính đến thời điểm hiện tại, Công ty số 2- Xí nghiệp 106 còn nợ Công ty thép số tiền nợ gốc là 1.146.511.498 đồng. Do Công ty số 2- Xí nghiệp 106 không thanh toán được tiền nợ mua hàng cho Công ty thép theo Hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là có căn cứ cần được chấp nhận. Do vậy, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc cho nguyên đơn là 1.146.511.498 đồng.

Xét yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn thanh toán của Công ty thép, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 ngày 01/9/2017 đã ký giữa Công ty thép và Công ty số 2- Xí nghiệp 106 không có điều khoản tính lãi chậm trả. Nhưng theo quy định tại điều 306 Luật thương mại năm 2005 Công ty thép có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (áp dụng Án lệ số 09 ngày 17/10/2016).

Mức lãi suất vay Ngân hàng đang áp dụng cụ thể: Lãi suất của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam vay phục vụ sản xuất kinh doanh là 9,5%/năm (theo Công văn ngày 20/7/2019); Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn từ 9%/năm đến 10,5%/năm (theo Công văn số 1472 ngày 04/9/2018 của NH nông nghiệp PTNT CN Hà Tây). Lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây là 8,26%/năm (theo Công văn ngày 29/7/2019 của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam). Lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 9%/năm (0,75%/tháng).

Công ty thép yêu cầu Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải thanh toán phần lãi suất quá hạn số tiền chậm trả là 14,6%/năm. Xét yêu cầu về lãi suất chậm thanh toán của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định về lãi suất trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng tại địa phương nên không chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Công ty số 2- Xí nghiệp 106 không thanh toán tiền hàng kể từ ngày 20/4/2018, tính đến ngày xét xử (ngày 19/8/2019) là 16 tháng. Số tiền lãi do chậm thanh toán Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải trả cho Công ty thép tính từ ngày 20/4/2018 đến ngày 19/8/2019 là:

1.146.511.498 đồng x 16 tháng x 0,75% = 137.581.379 đồng.

Vì vậy, buộc Công ty số 2- Xí nghiệp 106 phải thanh toán cho Công ty thép tổng số tiền gốc và lãi là 1.146.511.498 đồng + 137.581.379 đồng = 1.284.092.877 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu một phần án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu về lãi suất chậm trả không được chấp nhận (281.965.138 đồng – 137.581.379 đồng = 144.383.759 đồng) là 7.219.188 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 25.000.000 đồng tại biên lai số AB/2015/02722 ngày 10/4/2019 nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 17.780.812 đồng. Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức nộp án phí Tòa án là 50.522.786 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Án lệ số 09 ngày 17/10/2016;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội đối với Công ty cổ phần xây dựng số 2- Xí nghiệp xây dựng số 106 về yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 01.09.2017/HĐKT/VT-106 ngày 01/9/2017.

2. Buộc Công ty cổ phần xây dựng số 2- Xí nghiệp xây dựng số 106 phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội tổng số tiền là 1.284.092.877 đồng (gồm nợ gốc 1.146.511.498 đồng + lãi chậm thanh toán 137.581.379 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty cổ phần xây dựng số 2- Xí nghiệp xây dựng số 106 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.522.786 đồng. Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 17.780.812 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2015/02722 ngày 10/4/2019 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần vật tư thép Hà Nội và Công ty cổ phần xây dựng số 2- Xí nghiệp xây dựng số 106 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Dương Thị Thu Phượng